

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2026

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Tố Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Đức Nhân
- Bà Trần Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Quân-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy-Kiểm sát viên.

Ngày 29-01-2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2025/TLST-HNGĐ ngày 12-12-2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-01-2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Tr, sinh năm 1990; nơi thường trú: tổ 4, khu Đ2, phường T1, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: xóm 3, thôn T2, xã Q, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Ngọc D, sinh năm 1985; nơi thường trú: tổ 4, khu Đ2, phường T, tỉnh Quảng Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 12-01-2026, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Tr khai: Chị và anh Đinh Ngọc D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường T, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 11-7-2013. Sau khi kết hôn, chị và anh D chung sống hạnh phúc đến ngày 11-5-2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D liên tục uống rượu say xỉn và có những hành động mất kiểm soát, chửi bới, ghen tuông mù quáng. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 5-2024, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Chị và anh D có 02 con chung là Đinh Xuân Th, sinh ngày 16-5-2014 và Đinh Kỳ D1, sinh ngày 10-4-2019. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/01 tháng đến khi thành niên; trường hợp anh D

không hợp tác thì chị yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau đó, chị Tr thay đổi quan điểm, xác định do cháu Th có nguyện vọng được anh D trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu Tòa án giao cháu Th cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu D1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; chị và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, chị làm công việc hành chính tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu Th với thu nhập trung bình là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*)/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 24-12-2025, biên bản hòa giải ngày 12-01-2026 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Đinh Ngọc D khai: Anh và chị Tr tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường T, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 11-7-2013. Sau khi kết hôn, anh và chị Tr chung sống hạnh phúc đến tháng 05-2024 thì phát sinh mâu thuẫn do việc làm ăn của anh gặp khó khăn, vợ chồng xảy ra bất đồng trong quan điểm sống và kinh tế gia đình. Chị Tr đã về nhà bố mẹ để sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5-2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Tr xin ly hôn, ban đầu anh D có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng do chị Tr cương quyết xin ly hôn nên anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị Tr; sau đó anh D thay đổi lời khai, không đồng ý ly hôn với chị Tr. Anh và chị Tr có 02 con chung như chị Tr đã khai; hiện nay 02 con chung đang sống cùng anh và đều có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh không đồng ý giao 02 con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi các con chung theo yêu cầu của chị Tr; anh đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh và chị Tr không có tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

Tại biên bản lấy ý kiến, nguyện vọng ngày 12-01-2026, con chung là cháu Đinh Xuân Th có ý kiến, nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cháu cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên.

Tại biên bản làm việc ngày 07-01-2026, đại diện khu Đ2, phường T, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: theo giấy chứng nhận kết hôn thể hiện chị Tr và anh D đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND phường T, tỉnh Quảng Ninh) đúng chị Tr và anh D đã khai. Sau khi kết hôn, chị Tr và anh D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống; chị Tr đã chuyển về nhà ngoại ở tỉnh Hưng Yên, sống ly thân với anh D từ năm 2024 cho đến nay. Nay chị Tr xin ly hôn với anh D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Tr và anh D có 02 con chung như chị Tr và anh D đã khai; hiện nay 02 con chung có sức khỏe bình thường và đang sinh sống cùng anh D. Đề nghị Tòa án giao các con chung cho người có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung của chị Tr và anh D thì khu phố không rõ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị Tr và anh D không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể: Chị Tr và anh D thống nhất được với nhau về tài sản chung (không yêu cầu Tòa án giải quyết) và về án phí dân sự sơ thẩm (đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật); không thống nhất được với nhau về các vấn đề sau: về quan hệ hôn nhân (chị Tr xin ly hôn, còn anh D không đồng ý ly hôn); về nuôi con chung khi ly hôn (chị Tr đề nghị Tòa án giao cháu Th cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu D1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; còn anh D đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung); về nợ chung (chị Tr xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn anh D xác định vợ chồng có nợ chung là 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*)).

Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 27-01-2026, chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đã thay đổi, bổ sung tại phiên hòa giải ngày 12-01-2026.

Tại phiên tòa:

Anh D giữ nguyên lời khai đã khai tại Tòa; anh đồng ý ly hôn với chị Tr; đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; anh không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh không đồng ý giao cháu D1 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng vì không đảm bảo an toàn cho con anh; về tài sản chung và nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh và các con đang đi thuê nhà ở; anh làm công việc lái xe, thời gian làm việc từ 08 giờ sáng đến 18 giờ tối; thu nhập trung bình là 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*)/tháng nhưng hiện tại anh chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự về cơ bản đã chấp hành pháp luật tố tụng. Về nội dung, đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, xử cho chị Tr được ly hôn với anh D. Giao con chung Đinh Xuân Th, sinh ngày 16-5-2014 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; giao con chung Đinh Kỳ D1, sinh ngày 10-4-2019 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị Tr và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tr, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đoàn Thị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Ngọc D, cư trú tại tổ 4, khu Đ2, phường T, tỉnh Quảng Ninh. Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh thụ lý,

giải quyết vụ án “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị Tr là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Tr và anh Đinh Ngọc D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường T, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 11-7-2013; nên hôn nhân của chị Tr và anh D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị Tr và anh D chung sống hạnh phúc, đến tháng 5-2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Tr khai, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh D liên tục uống rượu say xỉn và có những hành động mất kiểm soát, chửi bới, ghen tuông mù quáng; còn theo anh D khai: nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do công việc làm ăn của anh gặp khó khăn, vợ chồng xảy ra bất đồng trong quan điểm sống và kinh tế gia đình. Tòa án xét thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Tr và anh D xuất phát từ công việc làm ăn của anh D không được thuận lợi, kinh tế gia đình không ổn định, vợ chồng không đồng cảm và chia sẻ với nhau, bất đồng về quan điểm sống; chị Tr và anh D đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 5-2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau; nên chị Tr và anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân là tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Tại phiên tòa, anh D có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Tr. Trong thời gian sống ly thân từ tháng 5-2024 đến nay, chị Tr và anh D không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị Tr giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh D. Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Tr đến phiên tòa nhưng chị Tr có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh D. Điều đó cho thấy, hôn nhân giữa chị Tr và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, việc chị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, được Tòa án chấp nhận.

- Về con chung: Chị Tr và anh D có 02 con chung là Đinh Xuân Th, sinh ngày 16-5-2014 và Đinh Kỳ D1, sinh ngày 10-4-2019; hiện nay, 02 con chung đang sống cùng anh D và có sức khỏe bình thường. Ly hôn, chị Tr đề nghị Tòa án giao cháu D1 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; giao cháu Th cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; chị và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh D đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; anh không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án xét thấy, khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia

định quy định: sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên. Theo đó, chị Tr và anh D đều có quyền, nghĩa vụ bình đẳng trong việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Hiện nay, chị Tr và anh D đều có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, đối với cháu Th: cháu là con trai, hơn nữa cháu có nguyện vọng ở với anh D; còn cháu D1 là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, giao cháu Th cho anh D và giao cháu D1 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; chị Tr và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các khoản 1,2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Tr và anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Chị Tr phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp ngày 12-12-2025; chị Tr đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Tr và anh D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, Điều 35 (sửa đổi bổ sung năm 2025), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Tr được ly hôn với anh Đinh Ngọc D.

- Về con chung: giao con chung là Đinh Xuân Th, sinh ngày 16-5-2014 cho anh Đinh Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung là Đinh Kỳ D1, sinh ngày 10-4-2019 cho chị Đoàn Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị

Tr và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tr và anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị Tr phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002487 ngày 12-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; chị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1-Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi Cục THADS TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

